TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Ông **Đặng T** - sinh năm 1975; Địa chỉ: Số A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn N** - sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đặng T và bà Nguyễn N thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng T và bà Nguyễn N thuận tình ly hôn.

Về con chung:

- Ông Đặng T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng C - sinh ngày 23 tháng 11 năm 2013.

- Bà Nguyễn N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng N - sinh ngày 26 tháng 12 năm 2015.

- Không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Đặng T và bà Nguyễn N xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Đặng T và bà Nguyễn N xác định không có nợ chung.

Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Đặng T và bà Nguyễn N chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 1332 ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông T và bà N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng